

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT – ĐỀ 10

Câu 1. Số liền sau của số bé nhất có 5 chữ số là:

- A. 9 999 B. 10 000 C. 10 001 D. 99 999

Phương pháp

Số liền trước của một số thì bé hơn số đó 1 đơn vị.

Cách giải

Số bé nhất có 5 chữ số là 10 000.

Vậy số liền sau của số bé nhất có 5 chữ số là 9 999

Chọn A

Câu 2. Giá trị của chữ số 3 trong số 93 658 là:

- A. 30 000 B. 30 C. 300 D. 3 000

Phương pháp

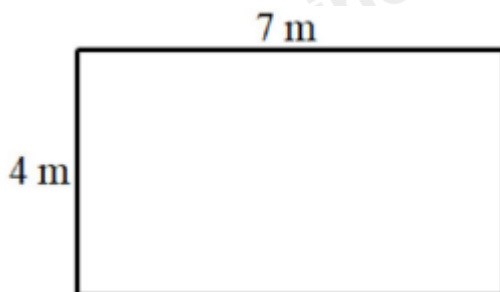
Xác định hàng của chữ số 3 từ đó xác định giá trị của chữ số đó.

Cách giải

Chữ số 3 trong số 93 658 thuộc hàng nghìn nên có giá trị là 3 000.

Chọn D

Câu 3. Cho hình vẽ sau:



Chu vi của hình chữ nhật đó là:

- A. 11 m B. 28 m C. 22 m D. 24 m

Phương pháp

Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Cách giải

Chu vi của hình chữ nhật đó là $(7 + 4) \times 2 = 22$ (m)

Chọn C

Câu 4. Số thích hợp $2 \text{ kg } 7 \text{ g} = \dots\dots\dots \text{ g}$

- A. 2070 B. 2007 C. 207 D. 2700

Phương pháp

Áp dụng cách đổi $1 \text{ kg} = 1 000 \text{ g}$

Cách giải

Đôi: $2 \text{ kg } 7 \text{ g} = 2007 \text{ g}$

Chọn **B**

Câu 5. Bạn Mai mua 2 quyển vở cùng loại và đưa cho người bán hàng tờ 50 000 đồng và người bán hàng trả lại 26 000 đồng. Hỏi mỗi quyển vở có giá bao nhiêu tiền?

A. 13 000 đồng B. 12 000 đồng C. 17 000 đồng D. 9 000 đồng

Phương pháp

- Tìm số tiền mua 2 quyển vở = số tiền Mai đưa – số tiền được trả lại

- Giá tiền mỗi quyển vở = Giá tiền mua 2 quyển vở : 2

Cách giải

Giá tiền mua 2 quyển vở là $50\,000 - 26\,000 = 24\,000$ (đồng)

Mỗi quyển vở có giá tiền là $24\,000 : 2 = 12\,000$ (đồng)

Đáp số: 12 000 đồng

Chọn **B**

Câu 6. Một chiếc bánh hình vuông có chu vi bằng 20 cm. Diện tích chiếc bánh đó là:

A. 20 cm^2 B. 16 cm^2 C. 25 cm^2 D. 36 cm^2

Phương pháp

- Độ dài cạnh hình vuông = Chu vi : 4

- Diện tích chiếc bánh đó là = Cạnh x cạnh

Cách giải

Độ dài cạnh của chiếc bánh hình vuông là $20 : 4 = 5$ (cm)

Diện tích chiếc bánh là $5 \times 5 = 25$ (cm^2)

Chọn **C**

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$57\,294 + 5\,342$ $83\,632 - 26\,415$ $19\,482 \times 5$ $84\,776 : 4$

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo quy tắc đã học

Cách giải

$$\begin{array}{r} 57294 \\ + 5342 \\ \hline 62636 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 83632 \\ - 26415 \\ \hline 57217 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19482 \\ \times 5 \\ \hline 97410 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84776 \overline{) 4} \\ 04 \overline{) 21194} \\ 07 \\ 37 \\ 16 \\ 0 \end{array}$$

Câu 2. Tìm x, biết:

$$x : 5 = 9\,266$$

$$24\,893 - x = 10\,027$$

Phương pháp

- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia
- Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu

Cách giải

$$x : 5 = 9\,266$$

$$x = 9\,266 \times 5$$

$$x = 46\,330$$

$$24\,893 - x = 10\,027$$

$$x = 24\,893 - 10\,027$$

$$x = 14\,866$$

Câu 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) $4 \times (4\,938 + 7\,050)$

b) $10\,000 - 1\,241 \times 8$

Phương pháp

- a) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện ở trong ngoặc trước
 b) Với biểu thức có chứa phép tính trừ và nhân, ta thực hiện phép nhân trước, thực hiện phép trừ sau

Cách giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 4 \times (4\,938 + 7\,050) &= 4 \times 11\,988 \\ &= 47\,952 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 10\,000 - 1\,241 \times 8 &= 10\,000 - 9\,928 \\ &= 72 \end{aligned}$$

Câu 4. Có 1 960 thùng hàng cần chuyển đến các siêu thị. Người ta đã vận chuyển được 4 chuyến, mỗi chuyến 230 thùng hàng. Hỏi còn bao nhiêu thùng hàng chưa được chuyển đi?

Phương pháp

- Tìm số thùng hàng đã chuyển = Số thùng hàng mỗi chuyến chở được \times số chuyến
- Tìm số thùng hàng chưa được chuyển đi

Cách giải

Số thùng hàng đã chuyển là:

$$230 \times 4 = 920 \text{ (thùng hàng)}$$

Số thùng hàng chưa được chuyển đi là

$$1\ 960 - 920 = 1\ 040 \text{ (thùng hàng)}$$

Đáp số: 1 040 thùng hàng